

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2020

V/v thanh toán, quyết toán Chính sách kiên cố hóa kênh mương, đường GTNT trục chính xã, đường loại A năm 2016-2018 trên địa bàn tỉnh (phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền)

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1248/STC-QLNS ngày 08/5/2020 về việc tình hình thanh toán, quyết toán Chính sách kiên cố hóa kênh mương, đường GTNT trục chính xã, đường loại A năm 2016-2018 trên địa bàn tỉnh (phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Cho phép các địa phương tiếp tục thanh toán cho các danh mục, công trình thực hiện Chương trình Kiên cố hóa kênh mương năm 2016, 2017, 2018 với số tiền: 4.112,886 triệu đồng.

2. Kinh phí chuyển nguồn còn lại 7.681,642 triệu đồng đã hết nhiệm vụ chi, các địa phương thực hiện nộp trả ngân sách tỉnh năm 2020 theo quy định.

(Chi tiết theo các phụ lục 01-03 kèm theo)

3. Đối với đề nghị thanh toán cho các danh mục công trình thuộc Chương trình năm 2019, 2020, sau khi các địa phương hoàn thành việc quyết toán dự án hoàn thành, giao Sở Tài chính đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét hỗ trợ (phần hỗ trợ bằng tiền) theo đúng quy định.

Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Giao thông vận tải;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K10, K19

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

PHỤ LỤC 01:
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ BẰNG TIỀN CÁC TUYẾN KÊNH THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA KÊNH MUÔNG NĂM 2017, 2018 TRÊN ĐỊA BÀN
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

	Địa phương	Kế hoạch vốn hỗ trợ bằng tiền (theo QĐ 4336/QĐ- UBND ngày 21/11/2019	Số đã thanh toán, quyết toán đến hết niên độ ngân sách năm 2019	Số kinh phí còn lại đã chuyển nguồn sang năm 2020; trong đó:		
				Tổng số	Tiếp tục chi cho danh mục công trình năm 2017, 2018	Đề nghị nộp trả ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5=3-4	6	8
	TỔNG CỘNG	63.751	52.136,861	11.614,139	4.112,886	7.501,253
1	HUYỆN HOÀI ÂN	4.334	3.683,607	650,393	145,689	504,704
	NĂM 2017	3.503	2.897,885	605,115	100,999	504,116
	NĂM 2018	831	785,722	45,278	44,690	0,588
2	HUYỆN TUY PHƯỚC	11.463	5.446,525	6.016,475	526,785	5.489,690
	NĂM 2017	6.728	2.458,065	4.269,935	526,785	3.743,150
	NĂM 2018	4.735	2.988,460	1.746,540		1.746,540
3	THỊ XÃ AN NHƠN	31.266	28.491,696	2.774,304	2.774,304	-
	NĂM 2016	113	113,000	0,000	0,000	-
	NĂM 2017	18.854	17.900,368	953,632	953,632	-
	NĂM 2018	12.299	10.478,328	1.820,672	1.820,672	-
4	HUYỆN PHÙ CÁT	3.894	2.642,000	1.252,000	175,000	1.077,000
	NĂM 2017	2.033	1.158,000	875,000		875,000
	NĂM 2018	1.861	1.484,000	377,000	175,000	202,000
5	HUYỆN VĨNH THẠNH	1.016	895,345	120,655	0,000	120,655
	NĂM 2017	846	778,345	67,655	0,000	67,655
	NĂM 2018	170	117,000	53,000	0,000	53,000

	Địa phương	Kế hoạch vốn hỗ trợ bằng tiền (theo QĐ 4336/QĐ-UBND ngày 21/11/2019)	Số đã thanh toán, quyết toán đến hết niên độ ngân sách năm 2019	Số kinh phí còn lại đã chuyển nguồn sang năm 2020; trong đó:		
				Tổng số	Tiếp tục chi cho danh mục công trình năm 2017, 2018	Đề nghị nộp trả ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5=3-4	6	8
6	HUYỆN HOÀI NHƠN	5.372	5.091,795	280,205	138,865	141,340
	NĂM 2017	1.560	1.379,660	180,340	39,000	141,340
	NĂM 2018	3.812	3.712,135	99,865	99,865	0,000
7	HUYỆN AN LÃO	1.218	1.216,886	1,114	0,000	1,114
	NĂM 2017	632	630,886	1,114		1,114
	NĂM 2018	586	586,000	0,000		
8	HUYỆN PHÙ MỸ	1.108	1.071,000	37,000	0,000	37,000
	NĂM 2017	631	594,000	37,000	0,000	37,000
	NĂM 2018	477	477,000	0,000	0,000	-
9	THÀNH PHỐ QUY NHƠN	986	607,000	379,000	249,250	129,750
	NĂM 2017	241	241,000	0,000		0,000
	NĂM 2018	745	366,000	379,000	249,250	129,750
10	HUYỆN TÂY SƠN	3.094	2.991,007	102,993	102,993	0,000
	NĂM 2017	1.964	1.893,985	70,015	70,015	0,000
	NĂM 2018	1.130	1.097,022	32,978	32,978	0,000

PHỤ LỤC 02:
BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH XÂY DỰNG BÊ TÔNG HÓA
ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TRỰC CHÍNH XÃ NĂM 2017
 (Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục	Kế hoạch vốn hỗ trợ bằng tiền (theo QĐ 4336/QĐ-UBND ngày 21/11/2019	Số đã thanh toán, quyết toán đến hết niên độ ngân sách năm 2019	Số kinh phí còn lại chưa thanh toán đã chuyển nguồn sang năm 2020; trong đó:		
				Tổng số	Tiếp tục chi cho công trình	Đề nghị nộp trả ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5=3-4	6	7
TỔNG CỘNG:		200	200			
	Huyện Hoài Ân	200	200			
1	Tuyến từ UBND xã - nhà ông Hòe	200	200			

PHỤ LỤC 03:
BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH XÂY DỰNG BÊ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GIAO THÔNG
NÔNG THÔN TRỰC CHÍNH XÃ NĂM 2018

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục	Kế hoạch vốn hỗ trợ bằng tiền (theo QĐ 4336/QĐ- UBND ngày 21/11/2019	Số đã thanh toán, quyết toán đến hết niên độ ngân sách năm 2019	Số kinh phí còn lại đã chuyển nguồn sang năm 2020; trong đó:		
				Tổng số	Tiếp tục chi cho cho danh mục công trình năm 2017, 2018	Đề nghị nộp trả ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5=3-4	6	8
TỔNG CỘNG		2.392	2.211,611	180,389	-	180,389
I	Huyện An Lão	1.480	1.480,000			
1	GTNT (đoạn thôn 1- thôn 3) (HM: Mặt đường BTXM km11+500- km12+00 và km 13+00- km16+700)	723	723,000			
2	GTNT (đoạn thôn 1- thôn 3) (HM: Mặt đường BTXM km12+00- km13+00)	200	200,000			
3	Đường An Hòa - Ân Hảo Tây (giai đoạn 2) (mặt đường bê tông xi măng)	557	557,000			
II	Huyện Hoài Ân	235	54,611	180,389	-	180,389
1	BTXM tuyến từ UBND xã đến chợ Kim Sơn	49		49,000		49,000
2	BTXM tuyến đường từ Hồ Thiêng - trạm biến áp thôn O6	186	54,611	131,389		131,389
III	Huyện Tây Sơn	96	96,000	-	-	-
1	Đường dọc sông Du Lâm thôn Nhơn Thuận	96	96,000			
IV	Huyện Vân Canh	581	581,000	-	-	-
1	Đường phía Tây huyện từ thôn Thịnh Văn I đến làng Suối Đá (giai đoạn 2)	581	581,000			